

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2021/HS-ST

Ngày: 26/8/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Hữu Thái.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2021/HSST ngày 15/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Đào Đình Tr (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 10 năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đào Đình T và bà Hoàng Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020 đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1968; trú tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1989; trú tại: M, xã Ch, huyện M, thành phố H. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình Tr1, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

1. Anh Lưu Đức D1, sinh năm 1997; trú tại: Thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh B1. Có mặt.

2. Anh Đào Tuấn V, sinh năm 1996; trú tại: Tổ 3, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trần M, sinh năm 1996; trú tại: Tổ 5, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

4. Anh Lê Minh Th, sinh năm 1996; trú tại: Tổ 8A, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Đào Đình Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức thuê xe ô tô tự lái rồi mang đi cầm cố lấy tiền. Thực hiện ý định của mình, khoảng 13 giờ ngày 04/9/2020 Tr nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Lưu Đức D1 nhờ D1 đi cùng Tr để thuê xe ô tô và lái đi đến nhà người yêu của Tr chơi vì D1 đã có giấy phép lái xe ô tô, thì được D1 đồng ý giúp và hẹn gặp nhau tại sân nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn. Sau đó Tr nhắn tin và gọi điện thoại cho Đào Tuấn V hỏi xin số điện thoại của một số người cho thuê xe ô tô tự lái tại thành phố B và người nhận cầm cố xe ô tô tại thành phố H thì được V nhắn tin gửi cho 03 số điện thoại của người cho thuê xe và số điện thoại của người nhận cầm cố xe là anh Nguyễn Trung H, trú tại xã Th, huyện M, thành phố Hà N rồi Tr gọi điện thoại liên lạc để hỏi trước.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, Tr đến nhà Nguyễn Trần M tại tổ 5, phường Ph, thành phố B hỏi mượn chiếc mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 - 288.xx của Mạnh để đi tìm chỗ thuê xe ô tô đi thành phố H đòi nợ thì được M đồng ý cho mượn và xin đi cùng xuống H có việc, sau đó Tr điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 - 288.xx đi đến địa điểm hẹn để đón D1 và chờ D1 đi tìm nơi cho thuê xe ô tô, khi đi đến nhà anh Nguyễn Đình Tr1 tại tổ 6, phường Đ, thành phố B thì Tr vào gặp anh Tr1 để trao đổi việc thuê xe, còn D1 đứng ở ngoài đợi. Khi gặp anh Tr1 thì Tr nói dối muốn thuê xe ô tô để tự lái đi tỉnh Th trong thời gian hai ngày và để lại chiếc xe mô tô BKS 97B1 - 288.xx làm tin. Do trước đó ông Nguyễn Tiến D là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu “HYUNDAI GRAND I10” màu đỏ, biển kiểm soát 97A - 022.72 đã để xe trước cửa nhà anh Trường để cho thuê, khi có người hỏi thuê xe thì sẽ giao cho anh Trường trực tiếp lái hoặc cho thuê. Sau khi nghe Tr hỏi thuê xe anh Tr1 đã hỏi ý kiến ông D và ông D cũng tin tưởng nhất trí cho Trung thuê với giá 700.000 đồng/01 ngày nhưng không lập hợp đồng thuê xe. Anh Tr1 đã giao xe ô tô cùng giấy tờ xe cho Tr, còn Tr đã đưa giấy chứng minh nhân dân của Tr cho anh Tr1 chụp lại đồng thời để lại chiếc xe mô tô BKS 97B1- 288.xx cho anh Tr1 giữ.

Sau khi thuê được xe, Tr bảo D1 vào lái xe đi rồi Tr gọi điện thông báo cho V biết mình đã thuê được xe và hẹn V đến nhà M đợi để cùng đi đến thành phố H, D1 lái xe đưa Tr đến nhà của M để đón M và V cùng đi thành phố H, sau khi đến đón V và M thì Tr bảo V lái xe còn D1 đi về. Sau đó V lái xe ô tô BKS 97A - 022.xx chở Tr và M đến rủ Lê Minh Th đi cùng. Trên đường đi không ai bàn bạc,

trao đổi về việc cầm cố xe ô tô. Khi đi đến xã Th, huyện M, thành phố H thì Tr bảo Th và M xuống xe đi thuê nhà nghỉ và đợi Tr, còn V tiếp tục lái xe đưa Tr đi đến điểm hẹn gặp Nguyễn Trung H. Khi gặp anh H, do Tr đã gọi điện thoại từ trước nên Tr bảo anh H ra xem xe mà không nói chiếc xe là do Tr đi thuê của người khác, sau khi xem xe xong anh H nhất trí nhận cầm cố chiếc xe với giá 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và chuyển tiền vào số tài khoản của Tr. Cầm cố xe xong Tr, V đến nhà nghỉ gặp Th, M rồi cả nhóm cùng nhau đi ăn cơm, lúc đi ăn cơm Th có hỏi về chiếc xe ô tô thì Tr nói dối là xe bị hỏng đang mang đi sửa chữa. Ăn cơm xong cả nhóm rủ nhau đi chơi điện tử. Trong lúc chơi Tr nói có việc nên phải về tỉnh B1 trước nên đã thuê taxi đi về nhà tại xã D, thành phố B.

Số tiền cầm cố xe, Tr đã sử dụng để mua “King” dùng để tham gia cá cược các trò chơi trong trang Web Maxvip.net trực tuyến trên mạng hết 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và trả nợ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho chị Hà Thị H1, trả nợ V 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và chi tiêu cá nhân hết.

Hết hạn thuê xe không thấy Tr trả lại xe ô tô nên anh Tr1 đã gọi điện hỏi thì Tr nói cho Tr thuê thêm một ngày. Tối ngày 06/9/2020, Tr gọi điện thông báo cho anh Tr1 và ông D biết việc Tr đã cầm cố chiếc xe ô tô BKS 97A - 022.xx lấy tiền và hẹn trưa ngày 07/9/2020 sẽ đến nhà gặp ông D, anh Tr1 để tìm cách giải quyết. Sau khi nghe Tr trình bày sự việc và biết Tr không có khả năng chuộc lại chiếc xe ô tô BKS 97A - 022.xx để trả lại, nên ông Nguyễn Tiến D đã đến Công an thành phố B trình báo sự việc. Qua tìm hiểu ông D biết chiếc xe ô tô Tr thuê của ông đang ở xã Th, huyện M, thành phố H nên ngày 15/9/2020, ông D đã chuộc lại chiếc xe với giá 60.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông D yêu cầu Tr phải bồi thường số tiền 68.200.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) là số tiền ông đã phải bỏ ra để chuộc chiếc xe ô tô và các chi phí khác. Đào Đình Tr đã bồi thường cho ông D hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 7/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận: 01 (một) xe ô tô BKS 97A – 022.xx, nhãn hiệu HYUNDAI GRAND I10, màu sơn đỏ, xe đã qua sử dụng có giá trị 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Đào Đình Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm:

....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đào Đình Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo: 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đình Tr số 095468772 cấp ngày 15/10/2020; 01 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 2 TWO có số seri I56380333A bên trong điện thoại Iphone 6. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, điện thoại có ốp nhựa màu nâu. Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0343.601.8xx bên trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, có ốp nhựa màu nâu. Giao cho Phòng cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Bắc Kạn để quản lý và xử lý theo thẩm quyền 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đình Tr số 0954687xx cấp ngày 05/8/2017.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Đào Đình Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Ngày 04/9/2020, tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1 Đào Đình Tr có hành vi gian dối để ông Nguyễn Tiến D cho thuê chiếc ô tô biển kiểm soát 97A - 022.xx trị giá 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng) để tự lái, sau đó mang đi cầm cố cho anh Nguyễn Trung H ở xã Th, huyện M, thành phố H được số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Sau đó không có khả năng chuộc lại xe để trả lại cho ông D.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có ông bà nội và ông bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung “Phạt tiền” đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại chiếc xe ô tô và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 68.200.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) là số tiền đã phải bỏ ra để chuộc chiếc xe ô tô và các chi phí khác. Bị cáo đã bồi thường xong. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 trong máy có gắn sim số 0378.416.1xx và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51 màu trắng, trong máy có gắn sim số 0984.125.2xx. Là tài sản của anh Lưu Đức D1, không

liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh D1 là đúng quy định của pháp luật.

- 01 (Một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI GRAND I10, màu sơn đỏ, BKS 97A - 022.xx sau khi tạm giữ và trưng cầu định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Tiến D là đúng quy định của pháp luật.

- 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đình Tr số 0954687xx cấp ngày 05/8/2017. Trước đó bị cáo đã báo mất và xin cấp lại chứng minh nhân dân khác, sau đó lại tìm thấy và sử dụng để thuê xe ô tô của ông D, vì vậy cần tịch thu và giao cho Phòng cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Bắc Kạn để quản lý và xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đình Tr số 0954687xx cấp ngày 15/10/2020. Là giấy tờ của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, trong máy có gắn sim số 0343.601.8xx; điện thoại có ốp nhựa màu nâu, bên trong ốp có 01 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 2 TWO có số seri 156380333A là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại, còn chiếc xác sim do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 2 TWO bị cáo khai là được người khác tặng để làm kỷ niệm không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã yêu cầu giám định nhưng không giám định được là tiền thật hay tiền giả. Bị cáo đề nghị được xin lại nên cần trả lại cho bị cáo.

* Đối với Lưu Đức D1 là người đi cùng Đào Đình Tr để thuê xe ô tô ngày 4/9/2021, nhưng D1 không biết được mục đích của Tr là thuê xe ô tô để mang đi cầm cố, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Lưu Đức D1.

* Đối với Đào Tuấn V: Theo lời khai của Đào Đình Tr, V là người đã cung cấp cho Tr số điện thoại của người nhận cầm cố xe ô tô và sau đó V còn trực tiếp lái xe ô tô đưa Tr đi cầm cố xe, số tiền cầm cố xe Tr đã trả nợ cho V số tiền 3.000.0000 đồng. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra Đào Tuấn V đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai để làm rõ vai trò của V, ngoài lời khai của Tr không còn tài liệu nào khác. Do đó, chưa đủ căn cứ xử lý đối với Đào Tuấn V, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau.

* Đối với việc anh Nguyễn Trần M, Lê Minh Th là người đi cùng Tr từ thành phố B đến huyện M, thành phố H, nhưng không biết, không được bàn bạc gì với Tr về việc thuê xe ô tô mang đi cầm cố và cũng không được hưởng lợi từ việc cầm cố xe nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Trần M và Lê Minh Th.

* Đối với Nguyễn Trung H: Không biết việc Tr thuê xe của người khác rồi mang đi cầm cố nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

* Ngoài ra, Đào Đình Tr khai đã sử dụng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) từ số tiền cầm cố chiếc xe ô tô để mua “King” dùng để tham gia cá cược các trò chơi trong trang Web Maxvip.net, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Đào Đình Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Đình Tr 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/11/2020.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đình Tr số 0954687xx cấp ngày 15/10/2020; 01 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 2 TWO có số seri I56380333A bên trong điện thoại Iphone 6.

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, điện thoại có ốp nhựa màu nâu.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số 0343.601.8xx bên trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, có ốp nhựa màu nâu.

- Giao cho Phòng cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Bắc Kạn để quản lý và xử lý theo thẩm quyền: 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Đào Đình Tr số 0954687xx cấp ngày 05/8/2017.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Thâm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương